

KẾ HOẠCH

Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 7024/SNNMT-TTCN ngày 26/8/2026, ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 1466/QĐ-TTg phù hợp điều kiện Hà Tĩnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, an toàn sinh học, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ có hiệu quả; ưu tiên các sản phẩm, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như lúa, cây ăn quả có múi, hươu sao, chăn nuôi lợn, bò, tôm, giống cây lâm nghiệp, sản phẩm hữu cơ và chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm, chất thải; gắn nghiên cứu với sản xuất, doanh nghiệp và thị trường.

2. Yêu cầu

- Bám sát Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 29-CTr/TU ngày 04/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan của tỉnh; bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, kiểm định, thử nghiệm về công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Người đứng đầu các cấp, các ngành có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học. Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị để thực hiện Kế hoạch đạt kết quả cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ sinh học; hình thành mô hình, quy trình, sản phẩm có khả năng nhân rộng,

góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp, giá trị gia tăng cao; thúc đẩy doanh nghiệp và chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tiếp tục bảo tồn, khai thác và nâng cao chất lượng nguồn gen, vật liệu giống cây trồng, vật nuôi đặc sản; ưu tiên bưởi Phúc Trạch, cam Bù, cam Giòn Thượng Lộc, hồng Yên Du và các giống cây trồng bản địa, hươu sao và một số vật nuôi có giá trị kinh tế, thích ứng điều kiện Hà Tĩnh.

- Đẩy mạnh sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học và giải pháp vi sinh trong sản xuất, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xử lý phụ phẩm, chất thải nông nghiệp.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ trình độ làm chủ công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát triển kinh tế.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy đột phá phát triển nghiên cứu khoa học, phát triển công nghiệp sinh học; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh sản xuất, thương mại các sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp.

- Thu hút từ 1 - 3 doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô công nghiệp các sản phẩm công nghệ sinh học (giống cây trồng, phân bón vi sinh, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, màng bảo quản tươi...) trên địa bàn tỉnh.

b) Giai đoạn 2031 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045

- Nhân rộng các công nghệ, mô hình hiệu quả; hình thành một số chuỗi nghiên cứu - sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học gắn với sản phẩm chủ lực và đặc sản của tỉnh.

- Nâng cao năng lực làm chủ, tiếp nhận và ứng dụng các công nghệ sinh học thế hệ mới, công nghệ chiến lược phù hợp; phát triển nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu và hệ thống kiểm nghiệm, chẩn đoán đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất và hội nhập.

- Tăng số doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ sinh học; thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm sinh học, từng bước thay thế các sản phẩm hóa học trong những khâu có điều kiện thay thế, góp phần phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Rà soát nhu cầu, lựa chọn nhiệm vụ và phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hằng năm, rà soát các vấn đề thực tiễn của sản xuất, dịch bệnh, môi trường, giống, chất lượng và thị trường để đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Các nhiệm vụ được lựa chọn phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của sản xuất, quản lý và thị trường, có tổ chức, doanh nghiệp hoặc địa phương tiếp nhận, ứng dụng kết quả, xác định rõ sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện và khả năng nhân rộng. Ưu tiên nhiệm vụ có sự tham gia, đồng hành hoặc đối ứng nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã. Việc đề xuất, tuyển chọn, xét duyệt và tổ chức

thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

Tập trung ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, enzyme, công nghệ sinh sản, công nghệ chẩn đoán và các công nghệ sinh học tiên tiến được phép sử dụng; đối với công nghệ chuyên sâu, thực hiện thông qua hợp tác với viện, trường, doanh nghiệp có đủ năng lực.

2. Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường

a) Về trồng trọt, bảo vệ thực vật và lâm nghiệp

- Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ nhân giống vô tính, giống nuôi cấy mô đối với một số cây trồng nông, lâm nghiệp (cam, bưởi, hồng, keo, ...) quy mô công nghiệp; phục vụ bảo tồn, phục tráng nguồn gen, nhân nhanh các giống cây bản địa (cam Bù, bưởi Phúc Trạch, cam Giòn Thượng Lộc, hồng Yên Du,...), góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, làm phong phú thêm các nguồn vật liệu lai tạo giống mới, nâng cao năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và giải pháp sinh học trong trồng rừng thâm canh, phục hồi hệ sinh thái phù hợp điều kiện tỉnh.

- Ứng dụng các chế phẩm sinh học thế hệ mới, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; sử dụng rộng rãi các loại bẫy, chất dẫn dụ sinh học và các chế phẩm sinh học khác trong quá trình sản xuất, nâng cao sức khỏe đất và chất lượng nông sản; đặc biệt trong xử lý các phế phẩm, phụ phẩm, chất thải từ sản xuất nông nghiệp và công nghệ chế biến; sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp.

- Ứng dụng các chế phẩm sinh học mới, KIT chẩn đoán, giám định nhanh sinh vật gây hại, bệnh cây phục vụ quản lý sản xuất, an toàn thực phẩm và xuất khẩu.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường quy mô công nghiệp.

b) Về chăn nuôi, thú y và thủy sản

- Ứng dụng công nghệ sinh sản, chọn giống để cải tiến chất lượng, số lượng và quy mô, nâng cao chất lượng con giống vật nuôi (bò, lợn, hươu sao), thủy sản; chuyển giao, nhân rộng trong sản xuất.

- Ứng dụng các tiến bộ công nghệ sinh học đã được nghiên cứu, công nhận và cho phép sử dụng trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, giám sát và cảnh báo dịch bệnh; sử dụng phù hợp các vắc-xin, bộ sinh phẩm (KIT), chế phẩm sinh học, chế phẩm vi sinh, enzyme và các sản phẩm công nghệ sinh học trong giám sát, phòng, chống dịch bệnh động vật, giảm sử dụng kháng sinh; nâng cao an toàn sinh học và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thủy sản.

- Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi, tận dụng phụ phẩm để sản xuất phân hữu cơ, khí sinh học và sản phẩm tuần hoàn; giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hướng tới sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến, ủ chua phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

- Ứng dụng công nghệ vi sinh, biofloc, chế phẩm sinh học và các giải pháp công nghệ sinh học trong sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản, phòng chống dịch bệnh, xử lý và cải thiện môi trường nuôi.

- Nghiên cứu, ứng dụng chế phẩm vi sinh, công nghệ xử lý nước, bùn thải trong nuôi trồng thủy sản; xây dựng, đánh giá và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn sinh học, tuần hoàn, giảm phát thải và giảm sử dụng thuốc, hóa chất.

c) Về bảo quản, chế biến và nâng cao giá trị sản phẩm

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại và công nghệ tiên tiến phù hợp trong sơ chế, bảo quản, kiểm soát vi sinh, chất lượng phục vụ đánh giá an toàn và chất lượng thực phẩm từ cây trồng, vật nuôi, thủy sản như: cam, bưởi, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản...

Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình, sản phẩm có giá trị gia tăng từ phụ phẩm nông nghiệp, nhưng hươu, cây dược liệu và nguyên liệu bản địa; gắn với tiêu chuẩn chất lượng, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc và nhu cầu thị trường.

3. Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học

a) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá máy móc, thiết bị

Nâng cấp các cơ sở, trung tâm nghiên cứu; tăng cường trang thiết bị để có đủ năng lực về cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực và cơ chế hoạt động để đáp ứng yêu cầu phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học, đánh giá, kiểm định an toàn sinh học phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ khoa học về công nghệ sinh học; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tham gia các lớp đào tạo kỹ thuật viên về công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, kết hợp tập huấn chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường cho người dân, doanh nghiệp và địa phương.

4. Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

a) Thu hút các doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trong các lĩnh vực về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chủ lực phục vụ nhu cầu sản xuất.

b) Đẩy mạnh ứng dụng các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, bền vững môi trường, cân bằng hệ sinh thái.

c) Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

5. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

Thực thi có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.

6. Hợp tác trong lĩnh vực công nghệ sinh học

Hợp tác nghiên cứu và tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường; chuyển giao công nghệ, dây chuyền sản xuất, thiết bị về công nghệ sinh học giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nước với đối tác quốc tế. Đặc biệt là hợp tác về giống cây trồng, vật nuôi, chẩn đoán, vi sinh, bảo quản, chế biến và xử lý môi trường.

7. Tăng cường công tác quản lý

Tăng cường công tác quản lý an toàn sinh học trong nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, lưu giữ, vận chuyển và sử dụng sản phẩm công nghệ sinh học thuộc phạm vi quản lý; nâng cao năng lực đánh giá nguy cơ, kiểm nghiệm, giám sát và xử lý chất thải sinh học; đào tạo, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thực hiện các quy định về an toàn sinh học, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và quản lý rủi ro trong quá trình ứng dụng công nghệ sinh học.

8. Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghệ sinh học

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học nói chung và công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường nói riêng.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học, công nghệ sinh học mới, các kết quả nổi bật của công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, giới thiệu công nghệ, mô hình doanh nghiệp công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường và hiệu quả ứng dụng thông qua hệ thống khuyến nông, truyền thông số, hội nghị, diễn đàn và hoạt động trình diễn.

Tuyên truyền, khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ sản xuất trong tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó, khuyến khích nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công tư để phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường (bao gồm các nguồn sự nghiệp khoa học, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp đào tạo, sự nghiệp môi trường,...), việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này và định kỳ hằng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Sở Tài chính tham mưu phương án kinh phí; Sở Công Thương phát triển thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm; phối hợp viện, trường, doanh nghiệp trong chuyên gia, ứng dụng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xác định đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm của tỉnh; hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, hỗ trợ kết nối tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp sinh học trong ngành nông nghiệp và môi trường được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh và các cơ sở đào tạo

Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, kết nối chuyên gia; tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng phù hợp với chức năng, năng lực; ưu tiên kỹ thuật viên và nhân lực thực hành.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn tại địa phương.

Rà soát nhu cầu, lợi thế, vấn đề thực tiễn của địa phương để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn.

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp sử dụng sản phẩm sinh học đúng quy định, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, xây dựng mô hình, gắn với phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; theo dõi, đánh giá và nhân rộng kết quả.

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã, viện, trường và tổ chức có liên quan

Chủ động đề xuất, tham gia nhiệm vụ; bố trí nguồn lực phù hợp; tiếp nhận, ứng dụng, hoàn thiện và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm; thực hiện đầy đủ quy định về an toàn sinh học, môi trường, chất lượng và sở hữu trí tuệ.

*** Chế độ theo dõi, báo cáo và đánh giá**

Các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục Kế hoạch này, định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương, KH và CN, Tài chính;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT và XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Văn bản số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm dự kiến
1	Rà soát nhu cầu, lựa chọn nhiệm vụ và phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo				
	Tham mưu xác định đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được phê duyệt, tổ chức thực hiện	Sở KH&CN	Sở NN&MT; Viện, trường, doanh nghiệp, UBND xã, phường	Hàng năm	Danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; mỗi nhiệm vụ xác định rõ sản phẩm, tiến độ, công nghệ ứng dụng và phương án chuyển giao
2	Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường				
2.1	Ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Sở NN&MT	Sở KH&CN; Viện, trường, doanh nghiệp, UBND xã, phường	2026-2035	Ứng dụng công nghệ sinh học trên giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và nhân rộng trong sản xuất.
2.2	Ứng dụng vắc-xin thế hệ mới, chế phẩm sinh học và sinh phẩm nông nghiệp môi trường.	Sở NN&MT	Sở KH&CN; Viện, trường; doanh nghiệp; UBND xã, phường	2026-2035	Ứng dụng 2-3 vắc-xin, chế phẩm sinh học thế hệ mới dùng trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt và bảo vệ thực vật.
2.3	Ứng dụng các chế phẩm sinh học thế hệ mới, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chất dẫn dụ sinh học trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, xử lý môi trường.	Sở NN&MT	Sở KH&CN; Viện, trường; doanh nghiệp; UBND xã, phường	Hàng năm	Ứng dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học thế hệ mới, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chất dẫn dụ sinh học trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ môi trường.
3	Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học				
3.1	Nâng cấp các cơ sở, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm	Sở KH&CN	Sở NN&MT, Sở Tài chính	2026-2035	Các cơ sở, trung tâm nghiên cứu được trang bị cơ sở vật chất, trang

	đổi mới sáng tạo ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp môi trường				thiết bị cần thiết, nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học, đánh giá, kiểm định an toàn sinh học phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.
3.2	Tập huấn tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường	Sở NN&MT	Sở KH&CN; UBND xã, phường	2026-2035	Tập huấn cho các hợp tác xã và người dân về tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.
4	Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường				
4.1	Thu hút doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường	Sở NN&MT	Sở KH&CN; Sở Tài chính; Sở Công Thương	2026-2035	Thu hút từ 1 - 3 doanh nghiệp đầu tư sản xuất các sản phẩm CNSH (giống cây trồng, phân bón vi sinh, chế phẩm xử lý môi trường, màng bảo quản tươi) trên địa bàn tỉnh.
4.2	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.	Sở KH&CN	Sở NN&MT; Sở Tài chính; Sở Công Thương	2026-2035	Các doanh nghiệp được hỗ trợ tiếp cận, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và được hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khi có nhu cầu.
5	Hợp tác nghiên cứu				
	Hợp tác, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và môi trường	Sở KH&CN	Sở NN&MT; Viện; Trường	2026-2035	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp; chuyển giao công nghệ sinh học nông nghiệp môi trường giữa các viện, trường.

6	Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học				
	Truyền thông, giới thiệu mô hình, kết quả nghiên cứu và sản phẩm công nghệ sinh học.	Sở NN&MT	Sở KH&CN; cơ quan báo chí; Trung tâm Khuyến nông; UBND xã, phường	Hàng năm	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thành tựu, kết quả nghiên cứu nổi bật và sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng